TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 12/2024/HNGĐ- ST
Ngày 07 tháng 02 năm 2024
V/v "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Được và ông Thạch Nhị

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Bửu Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 364/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX – ST ngaøy 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Tuyết T**, sinh năm 1996; trú tại: tổ C, ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước (có đơn xin vắng)

Bị đơn: ông **Trần Vũ Quang M**, sinh năm 1996; trú tại: ấp H, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng)

NHẬN THẤY

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày: Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tôi và ông Trần Vũ Quang M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, tôi và ông M đã có một con chung.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu gia đình chúng tôi hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau này chúng tôi thường xuyên cãi vã, gây gỗ lẫn nhau, từ đó chúng tôi không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn không những không được

giải quyết mà ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn, vì con chung còn nhỏ tôi đã cố gắng níu kéo và giữ hạnh phúc gia đình song do mâu thuẫn giữa tôi và ông M không giải quyết được nên chúng tôi không còn tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng vì thế cũng nhạt dần dẫn đến chúng tôi đã sống ly thân. Qua thời gian sống ly thân, tôi nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy tôi làm đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: có một con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2019. Nay ly hôn do con còn nhỏ, lại là con gái và đang sống cùng tôi nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tôi có công việc bận và vì bị đơn ông M cũng vắng mặt nên tôi xin Tòa án cho tôi được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Trần Vũ Quang M: vắng trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các thủ tục và quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt không rõ lý do; căn cứ theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, hiện đã sống ly thân, quá trình giải quyết vụ án ông M vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà T và ông M có một con chung, sinh năm 2019, do con còn nhỏ, ông M lại vắng mặt, bà T có yêu cầu được nuôi con, do vậy tuy nhiên cả ba con chung đã trên 18 tuổi và đã có gia đình, cuộc sống riêng do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu, ông M vắng mặt nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí, quyền kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với ông Trần Vũ Quang M, do vậy, đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn ông Trần Vũ Quang M có nơi cư trú tại ấp H, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai, đầy đủ, hợp lệ giấy triệu tập cùng các văn bản của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M vẫn vắng mặt không rõ lý do là đương nhiên từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn bà T có đơn xin vắng tại phiên tòa, do vậy, căn cứ vào các điều 70, 71, 72 và Điều 199, điều 227, điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 14 tháng 11 năm 2019; do vậy, căn cứ vào các Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy bà T có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông M là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần khuyên nhủ bà T vì con chung còn nhỏ mà nên hàn gắn tình cảm gia đình, quay về đoàn tụ chung sống với chồng nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì cuộc sống chung không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tôn trọng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng, sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau không còn, hiện bà và ông M đã sống ly thân nên hôn nhân

không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, ông M vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào lời trình bày của bà T, biên bản xác minh cùng những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy, hôn nhân hạnh phúc gia đình là được xây dựng dựa trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình nhưng trong cuộc sống chung của bà T và ông M đã có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hóa giải, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông M có một con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2019. Nay ly hôn do con còn nhỏ và đang sống cùng bà T, ông M vắng mặt tại phiên tòa chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn, bà T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu, ông M vắng mặt nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước về việc giải quyết vụ án phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự và Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.5] Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với ông Trần Vũ Quang M *(giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 117 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 14 tháng 11 năm 2019).*

2. Về con chung: Giao con chung là Trần vũ Thiên K1, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2019 cho bà Nguyễn Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng, chắm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

Vì quyền lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không bảo đảm được quyền, lợi ích của con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí*:* Bà T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005507 của Chi cục Thi hành án thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Bà T, ông M không phải chịu thêm tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà T, ông M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

<u>Nơi nhận</u>:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- Chi cuïc THADS thành phố Đồng Xoài;
- UBND nơi đs cư trú, đkkh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHAN THỊ MỸ DUNG